

Bản án số: 61/2018/HS-PT
Ngày 26-3-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trọng Hân

Các Thẩm phán: Ông Cao Quốc Chiến

Ông Võ Minh Triều

- Thư ký phiên tòa: Ông Danh Quàng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Tuyết Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 234/2017/TLPT-HS ngày 26 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Hữu T do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 123/2017/HS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Hữu T, sinh năm 1982, tại huyện D, tỉnh N;

Nơi ĐKKHKT: Xóm T, Đội 3, xã D, huyện D, tỉnh N; nơi cư trú hiện tại: Ấp Đ, xã B, huyện P, tỉnh K; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc C và bà Chu Thị N; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 02-8-2017 cho đến nay.

Bị cáo cáo có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đêm ngày 02-8-2017, do không có tiền tiêu xài nên Nguyễn Hữu T đi bộ để tìm tài sản trộm cắp. Đến khoảng 04 giờ ngày 02-8-2017, T đi đến nhà ông Nguyễn Văn H ở ấp Đ, xã B, huyện P thấy nhà không đóng cửa nên T đi vào lấy 02 cái điện thoại di động (01 hiệu Iphone 7, loại 128 GB; 01 hiệu Iphone 6plus, loại 16 GB) và 5.300.000đồng của ông H đang để trong phòng khách. Lấy xong, T đem tài sản vừa trộm được về nhà anh ruột Nguyễn Văn T ngủ. Đến khoảng 08 giờ 30 phút sáng cùng ngày, T kêu anh T chở xuống thị trấn D để đi biển thì bị bắt giữ cùng tang vật.

* Vật chứng thu giữ:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7, loại 128 GB, màu vàng hồng;
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6plus, loại 16 GB, màu đỏ;
- Tiền Việt Nam 5.300.000 đồng.

(Tất cả các tài sản trên đã được trao trả cho chủ sở hữu).

*Tại bản kết luận về giá trị tài sản trong tố tụng hình sự số: 59/KL-HĐĐG, ngày 28-8-2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện P, tỉnh K kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7, loại 128 GB, màu vàng hồng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6plus, loại 16 GB, màu đỏ có giá trị là 19.638.000đồng.

*Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 123/2017/HSST ngày 13-11-2017 của Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu T 09 (chín) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02-8-2017.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 21-11-2017, bị cáo Nguyễn Hữu T có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đã xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự là đúng tội và giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu T về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về Quyết định của bản án sơ thẩm: Vào khoảng 04 giờ ngày 02-8-2017, bị cáo Nguyễn Hữu T đã lén lút vào nhà ông Nguyễn Văn H ở ấp Đ, xã B, huyện P, tỉnh K lấy trộm 02 điện thoại di động Iphone và 5.300.000 đồng của ông H đang để trong phòng khách. Đến khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày thì bị bắt giữ cùng tang vật. Qua định giá 02 điện thoại Iphone trị giá 19.628.000 đồng. Như vậy, tổng giá trị tài sản mà bị cáo trộm cắp của người bị hại là 24.938.000 đồng. Do đó, bản án sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự để xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu kháng cáo của bị cáo: Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do mức án mà tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo là nặng, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn. Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo là người còn trẻ, có sức khỏe nhưng lại lười biếng lao động, muốn hưởng thụ bằng sức lao động của người khác, lợi dụng sơ hở của người bị hại để chiếm đoạt tài sản. Tòa án cấp sơ

thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo mức án 09 tháng tù là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới để Hội đồng xét xử xem xét nên không có cơ sở để chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo.

[4] Về quan điểm của vị đại diện viện kiểm sát: Tại phiên tòa, vị đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên. Quan điểm của vị đại diện viện kiểm sát là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử đã thảo luận và thấy rằng các Quyết định của bản án sơ thẩm về tội danh và mức hình phạt cho bị cáo Nguyễn Hữu T là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên thống nhất chấp nhận quan điểm đề nghị của vị đại diện viện kiểm sát và không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu T.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 33 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu T 09 (chín) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02-8-2017.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Buộc bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 123/2017/HS-ST ngày 13-11-2017 của Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Cấp cao tại TP. HCM;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh KG;
- Trại tạm giam CA tỉnh KG;
- Sở Tư pháp tỉnh KG;
- Phòng HS & NV CA tỉnh KG;
- CQCSĐT CA huyện Phú Quốc;
- TAND huyện Phú Quốc;
- THA huyện Phú Quốc;
- VKSND huyện Phú Quốc;
- Bị cáo kháng cáo;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Trọng Hân